

# TU DUY BIỆN CHỨNG CỦA HỒ CHÍ MINH TRONG TÁC PHẨM *SỬA ĐỔI LỐI LÀM VIỆC*

PGS LÊ THẾ LẠNG

## *1. Lý luận đối với cán bộ, đảng viên*

Tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* của Hồ Chí Minh được viết năm 1947, ký tên XYZ. Ngay từ đầu, tác giả đã đặt vấn đề cần giáo dục lý luận và phương pháp luận cho cán bộ, đảng viên. Người cho rằng mặc dầu hiện nay phong trào cách mạng rất cao, nhưng cán bộ và đảng viên ta nhiều người chưa biết rõ lý luận và áp dụng lý luận vào công tác, cũng còn nhiều người chưa biết “biện chứng” là gì. Nguyên nhân của nhiều khuyết điểm là do kém hiểu biết lý luận hoặc xem thường lý luận. Vì vậy mỗi cán bộ và đảng viên cần phải học lý luận.

Để giúp cán bộ hiểu lý luận là gì, tác giả định nghĩa: “Lý luận là đem thực tế trong lịch sử, trong kinh nghiệm, trong các cuộc đấu tranh, xem xét, so sánh thật kỹ lưỡng rõ ràng, làm thành kết luận. Rồi lại đem nó chứng minh với thực tế. Đó là lý luận chân chính”<sup>1</sup>. Người nói tiếp “Lý luận như cái kim chỉ nam, nó chỉ phương hướng cho chúng ta trong công việc thực tế”<sup>2</sup>.

Mặc dầu tác giả không nói rõ tên của “lý luận chân chính” ấy, nhưng ai cũng hiểu chủ yếu là lý luận Mác - Lê nin. Lý luận cách mạng khoa học khi được nhận thức sẽ trở thành phương pháp luận hướng dẫn tư duy để nhận thức hiện thực và tìm

giải pháp đúng đắn nhằm cải tạo xã hội và con người. Vì vậy, nhận thức lý luận cách mạng có tầm quan trọng hàng đầu đối với cán bộ, đảng viên.

Phương châm quan trọng của nhận thức lý luận là phải áp dụng vào thực tế, nếu không là lý luận suông, vô ích. Lý luận và thực hành luôn luôn đi liền với nhau. Phải áp dụng lý luận vào chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá... Người đọc hàng ngàn hàng vạn quyển sách lý luận, nếu không biết đem ra thực hành vẫn không phải là biết lý luận. Cần phải ra sức thực hành mới thành người biết lý luận.

Những điều nói trên được tác giả cụ thể hoá trong cả 6 chương bằng vận dụng lý luận để nhận thức toàn cảnh những khuyết điểm của cán bộ, đảng viên, tìm ra giải pháp để họ “sửa đổi lối làm việc” với mục đích tiến tới xác định đường lối, chính sách đúng đắn, tổ chức thực hiện có hiệu quả và xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên ngày càng trưởng thành. Chung quy là nâng cao trình độ và năng lực tư duy khoa học cho cán bộ, đảng viên để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

## *2. Thực hành lý luận*

Muốn giải quyết mọi công việc phải xuất phát từ điều kiện thực tiễn, tồn tại khách quan. Muốn nắm điều kiện khách quan phải biết điều tra, phải đi từ

từng bộ phận đến toàn thể đối tượng cần nhận thức. Từ đó sử dụng năng lực tư duy biện chứng để xem xét cho rõ, cân nhắc cho kỹ, xử trí cho khéo mới tránh sai lầm chủ quan, nghĩ thế nào làm thế ấy.

Khi gặp những vấn đề thực tiễn đặt ra phải tự hỏi vì sao có vấn đề này, xử lý thế nào là có kết quả, phải suy tính kỹ lưỡng, chớ hấp tấp, chớ làm bừa, gặp sao làm vậy. Người căn dặn: Phải hiểu rằng Đảng có hiểu rõ tình hình thì đặt chính sách mới đúng. Nếu không hiểu rõ tình hình mà đặt chính sách thì kết quả sẽ là "nồi vuông úp vung tròn", không ăn khớp gì hết. "Từ nay, công việc gì bất kỳ thành công hay thất bại, chúng ta phải nghiên cứu đến cội rễ, phân tích thật rõ ràng rồi kết luận. Kết luận đó sẽ là cái *thìa khoá phát triển công việc và để giúp cho cán bộ tiến tới*. Có như thế thì người mới có tài, tài mới có dụng"<sup>33</sup>.

Phải giải quyết hài hoà các quan hệ nội bộ thường gặp. Bất cứ vấn đề gì cũng có quan hệ bên trong và bên ngoài. Nếu không giải quyết phù hợp sẽ dẫn tới phức tạp, rối ren. Đoàn kết chặt chẽ hay không cũng bắt đầu từ xử lý các quan hệ này. Hồ Chí Minh nêu nhiều trường hợp cụ thể:

Quan hệ bộ phận và toàn thể. Tác động qua lại giữa các bộ phận và toàn thể đúng phương pháp sẽ thúc đẩy sự vật phát triển không ngừng. Việc thiết thực nhất là người lãnh đạo phải biết gom góp ý kiến và kinh nghiệm trong chỉ đạo từng bộ phận đem làm ý kiến chung. Rồi lại đem ý kiến chung đó để thí nghiệm trong các bộ phận. Rồi lại đem kinh nghiệm chung và mới đúc thành chỉ thị mới. Cứ như thế mãi. Biết làm như vậy mới thật là biết lãnh đạo. Thực hiện điều Hồ Chí Minh nêu đòi hỏi cán bộ phải có năng lực phân tích và tổng hợp, diễn dịch và quy nạp. Đó là những nấc thang của phát triển nhận thức. Hồ Chí Minh còn nêu nhiều quan hệ khác và chỉ dẫn cách giải quyết: quan hệ giữa cá nhân và tập thể, cán bộ cũ và mới, cán bộ địa phương và nơi khác phải đến, cán bộ quân sự

và chính trị... đặc biệt là quan hệ tự phê bình và phê bình, quan hệ dân chủ và tập trung.

Quan hệ giữa tính phổ biến và điểm đặc thù. Nội bật của vấn đề này là học tập kinh nghiệm của các nước khác. Hồ Chí Minh cho rằng học tập kinh nghiệm rất quan trọng, nhưng phải biết kinh nghiệm có tính phổ biến và đặc điểm riêng của đất nước mình để vận dụng thích hợp, tránh dập khuôn, máy móc. Người lấy ví dụ về kinh nghiệm các nước có giá trị phổ biến đối với nước ta là "phải gần gũi dân chúng, vào sâu trong dân chúng", "phải kiên quyết chống bệnh chủ quan, bệnh hẹp hòi, bệnh ba hoa". Nhưng nếu người ta nói giai cấp đấu tranh mình cũng nói theo là không phù hợp đặc điểm nước mình. Vì vậy "phải biết khéo lợi dụng kinh nghiệm"<sup>34</sup>. Quan hệ giữa tính phổ biến và điểm đặc thù còn vận dụng trong quan hệ kinh nghiệm toàn quốc và địa phương, kinh nghiệm lịch sử và hiện tại...

Quan điểm vận động phát triển và toàn diện. Nhân nói về đánh giá cán bộ, tác giả cho biết: Trong thế giới cái gì cũng biến hoá, tư tưởng của con người cũng biến hoá nên xem xét sự vật, con người cũng theo quan điểm toàn diện và quá trình vận động phát triển. Quá khứ, hiện tại, tương lai của mọi người không phải giống nhau. Vì vậy nhận xét con người không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc mà phải xét toàn lịch sử, toàn công việc của họ.

Theo Hồ Chí Minh, đánh giá đúng cán bộ là việc khó, vì không chỉ đòi hỏi tri thức mà còn phải có phẩm chất đạo đức và chính trị của người đánh giá. Trong đó tri thức và phẩm chất đầu tiên là phải biết tự đánh giá mình. Không tự biết mình thì khó biết người. Nếu không biết sự phải trái ở mình thì chắc không thể nhận rõ người cán bộ tốt hay xấu. Nếu mình mắc nhiều khuyết điểm thì như người mang kính có mầu không bao giờ thấy rõ cái mặt thật của những cái mình trông. Vì vậy phải khắc phục khuyết điểm của mình. Không ngừng hoàn

thiện chủ thể mới nhận thức đúng khách thể. Đây là quan điểm toàn diện, vận động và phát triển được tác giả vận dụng một cách "toàn diện" để giải quyết quan hệ giữa chủ thể và khách thể trong vấn đề đánh giá cán bộ, đảng viên.

Phải biết tư duy độc lập và sáng tạo. Độc lập và sáng tạo là trình độ cao của năng lực tư duy. Đó cũng là yêu cầu của xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên. Những người thụ động, bảo thủ, dù trung thành nhưng tác dụng hạn chế. Hồ Chí Minh coi đó là thái độ thiếu trách nhiệm, hữu khuynh. Điển hình của độc lập sáng tạo và thấy "cách tổ chức và cách làm việc nào không phù hợp với quần chúng thì ta phải có gan đề nghị lên cấp trên để bỏ đi hoặc sửa lại. Cách nào hợp với quần chúng, quần chúng cần, thì dù chưa có sẵn, ta phải đề nghị lên cấp trên mà đặt ra. Nếu cần làm thì cứ đặt ra, rồi báo cáo sau, miễn là được việc"<sup>5</sup>. Tư duy độc lập sáng tạo không chỉ đòi hỏi tri thức khoa học sâu rộng, mà còn phải có trách nhiệm cao trước nhân dân, trước Đảng, đồng thời phải có bản lĩnh chính trị để đủ dũng cảm thực hiện ý tưởng sáng tạo của mình.

### 3. Đề có năng lực tư duy biện chứng

Công việc hàng đầu là phải quan tâm đến học tập. Vì năng lực tư duy của cán bộ cao hay thấp phụ thuộc vào vốn tri thức cần thiết để giải quyết một vấn đề cụ thể ít hay nhiều, rộng hay hẹp, trong đó tri thức nền tảng và lý luận. Người rất quan tâm đến tổ chức học tập lý luận. Đồng thời cũng coi trọng cả học tập chính trị, nghiệp vụ, văn hoá và các môn khoa học khác. Người còn hướng dẫn tỉ mỉ đến phương pháp tổ chức, phương châm, phương thức học tập và đòi hỏi học lý luận xong "có thể tự mình tìm ra phương hướng chính trị có thể làm những công việc thực tế, có thể trở nên người tổ chức và lãnh đạo"<sup>6</sup>.

Thực hiện nghiêm túc phê bình và tự phê bình. Mỗi cán bộ muốn trưởng thành trong công tác,

trong đó có năng lực tư duy, phải thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình. Đây là vấn đề được nhắc nhiều và nhấn mạnh trong tác phẩm.

Hồ Chí Minh nêu rõ tầm quan trọng, hình thức, phương pháp, động cơ, mục tiêu và cả những tiêu cực thường xảy ra trong thực hiện tự phê bình và phê bình. Không sử dụng tốt quy luật phát triển này sẽ dẫn tới nhiều tai hại khó lường. Đây là hình thức thử thách bản lĩnh và rèn luyện tích cực năng lực tư duy của các thành viên trong tập thể.

Phải gắn bó mật thiết với nhân dân. Vấn đề này có nội dung rộng lớn về lý luận và thực tiễn. Riêng về năng lực tư duy của cán bộ và đảng viên, nhân dân có vai trò rất quan trọng. Tri thức kinh nghiệm của nhân dân, nhân dân góp ý kiến phê bình cán bộ, tham gia thảo luận các vấn đề của cách mạng do cán bộ nêu ra... đều tác động tích cực đối với năng lực tư duy của cán bộ, đảng viên. Tác giả đặc biệt chú trọng đến phương pháp so sánh của nhân dân và cho thấy đặc điểm rõ nhất trong tư tưởng của nhân dân là họ hay so sánh, nhờ phương pháp so sánh mà nảy sinh nhiều ý kiến hay; so đi sánh lại kỹ càng sẽ tìm ra cách giải quyết vấn đề gọn gàng, hợp lý, công bằng. Thực hiện phương pháp đó cũng nâng cao trình độ của chính nhân dân, nên Người khuyên cán bộ cũng phải dùng cách so sánh của dân chúng mà tự mình so sánh; so đi sánh lại, phân tích rõ ràng là cách làm việc khoa học; mỗi công việc đều cần phải làm như thế.

Vi vậy học hỏi nhân dân là điều không thể thiếu để nâng cao năng lực tư duy.

Mở rộng sinh hoạt dân chủ. Sinh hoạt dân chủ vừa là môi trường vừa là động lực phát huy năng lực tư duy. Ở đâu có dân chủ là ở đấy có cuộc sống tinh thần cởi mở, sinh động, cán bộ có điều kiện phát huy sáng kiến, nhân tài dễ dàng nảy nở. Sinh hoạt dân chủ sẽ đem lại sức sống dồi dào cho năng lực tư duy của từng người. Trong tác phẩm, Hồ Chí Minh bàn nhiều đến dân chủ, nêu rõ cái lợi lớn

của dân chủ và cái hại lớn của mất dân chủ, nhằm tạo điều kiện tháo gỡ cho năng lực tư duy sáng tạo của nhân dân và cán bộ, đảng viên phát triển. Nói dân chủ ai cũng đồng tình nhưng thực hiện dân chủ đúng đắn lại không dễ dàng nên tác giả nói nhiều đến kinh nghiệm thực hiện dân chủ. Nói chung không có dân chủ không thể có tư duy sáng tạo. Nếu có cũng không được phát huy.

Tóm lại, tư duy biện chứng của Hồ Chí Minh trong *Sửa đổi lối làm việc* là một nội dung quan trọng, có dụng ý, có mục đích rõ ràng. Mỗi nội dung của tác phẩm đều là những vấn đề sát với đời sống hàng ngày của cán bộ, đảng viên và được chỉ dẫn cách giải quyết theo phương pháp biện chứng duy vật. Sau mỗi vấn đề đã phân tích phải trái, đề ra cách thực hiện tác giả thường kết thúc bằng đưa ra những lời khuyên thiết thực, chân tình và có động có tính nguyên tắc. Tổng hợp những vấn đề cụ thể của tác phẩm, dễ dàng nhận thấy những quan điểm về phép biện chứng duy vật được tác giả vận dụng để hướng dẫn cán bộ, đảng viên tư duy theo phương pháp khoa học đó nhằm giải quyết những nhiệm vụ cách mạng và đời sống.

Tác giả không nêu những nguyên lý của chủ nghĩa duy vật biện chứng kiểu giáo khoa mà trực tiếp vận dụng nó vào thực tiễn bằng những việc cụ thể dễ thấy, dễ làm. Điều đó vừa coi như một hình mẫu thực hành vừa mang nội dung giáo dục cụ thể trực tiếp. Đúng như tác giả nêu: lý luận phải đem ra thực hành, lý luận phải gắn liền với thực tế. Hình mẫu thực hành này giúp người đọc dễ nhận ra lý luận và phương pháp thực hành lý luận. Ngược lại, chỉ nêu lý luận thuần túy người đọc vẫn còn ngỡ ngàng trước phương pháp vận dụng vào cuộc sống. Mặc dầu những quan điểm biện chứng ở đây không nêu thành hệ thống, bài bản, nhưng tác dụng của nó rất thiết thực, nhất là đặt trong hoàn cảnh ra đời của tác phẩm năm 1947. Tuy nhiên,

sức sống sinh động của tác phẩm, của tư duy biện chứng Hồ Chí Minh càng phát huy tác dụng trong hoàn cảnh hiện nay và còn mãi sau này.

1, 2, 3, 4, 5, 6. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, CTQG, H, 1995, T.5, tr.233, 233, 234, 272, 246, 272.

## QUAN ĐIỂM CỦA ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 40)

Quan điểm xuyên suốt và nhất quán của Đảng ta luôn khẳng định kiểm tra, giám sát là một tất yếu, là nhu cầu không thể thiếu đối với hoạt động của Đảng, là những chức năng và phương thức, nội dung lãnh đạo quan trọng của Đảng, không kiểm tra, giám sát thì coi như không lãnh đạo. Nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và ủy ban kiểm tra các cấp đã luôn được bổ sung, hoàn thiện qua mỗi kỳ đại hội Đảng để phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng trong từng giai đoạn cách mạng.

1. *Những sự kiện lịch sử Đảng 1945 - 1954*, ST, H 1979, tr. 148

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, CTQG, H, 1996, tr. 137

3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu (lần 2) Ban Chấp hành Trung ương Khóa VIII*, CTQG, H 1999, tr.30

4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, CTQG, H, 2001, tr. 145

5. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Khóa IX*, CTQG, H, 2001, tr. 246-247

6, 7, 8, 9, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, CTQG, H, 2006, tr. 272, 278, 53, 134, 134.